

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Công văn số 8177/BKHCN-CDSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chuyển đổi số;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
- Kế hoạch số 4308/KH-UBND ngày 04/08/2025 về Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Định hướng phát triển tổng thể: Xây dựng và phát triển chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số; thúc đẩy kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng; phát triển xã hội số bao trùm, an toàn, thu hẹp khoảng cách số, phù hợp với điều kiện miền núi, biên giới của tỉnh Lai Châu. Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực đột phá, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- Vai trò động lực của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là khâu đột phá, động lực chủ yếu trong đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ, mô hình mới; hình thành môi trường số an toàn, thuận lợi, góp phần xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1 Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

Tối thiểu bao gồm các chỉ tiêu sau:

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

* Giai đoạn năm 2026-2027

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong

ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

* Giai đoạn 2028-2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 70% dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

* Giai đoạn năm 2026-2027

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số hoàn thành, đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

- 100% bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.
- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

* Giai đoạn năm 2028 -2030

- 100% bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 và 90% đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% bộ, ngành, địa phương vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV,... tiên tiến; Ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tại cấp quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

-100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% bộ, ngành, địa phương có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2 Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế:

Rà soát, xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu trên cơ sở các chương trình, kế hoạch

chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế, phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực và của tỉnh.

- Mục tiêu tăng trưởng: Phân đầu tăng trưởng quy mô kinh tế số/GDP để góp phần vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của cả giai đoạn.

- Phát triển doanh nghiệp số:

- + Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

- + Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Make in Vietnam, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang thiết kế, sáng tạo sản phẩm và dịch vụ số.

- Phát triển dữ liệu số - yếu tố sản xuất mới:

- + Phát triển các bộ dữ liệu mở chất lượng cao để công bố trên Cổng dữ liệu mở quốc gia.

- + Phát triển và đưa vào sử dụng sản phẩm giao dịch dữ liệu; thúc đẩy thị trường dữ liệu và các mô hình kinh tế dữ liệu mới.

- Thúc đẩy thanh toán số, phổ cập thanh toán số toàn diện cho người dân và doanh nghiệp.

- Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực như: nông nghiệp, du lịch, thương mại, công nghiệp...

2.3 Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

Tối thiểu bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%;

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%;

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 95%;

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số;

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 Việt Nam đạt 90%-100%.

- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình

có kết nối Internet.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 các cấp.

2. Thể chế, chính sách số

- Rà soát các văn bản do cơ quan mình hoặc cấp dưới ban hành có liên quan đến Luật Chuyển đổi số thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

- Triển khai chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và đãi ngộ cho cán bộ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số đặc thù tại tỉnh; chính sách thuê chuyên gia, nhà khoa học trong quản lý, tư vấn về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số: Triển khai chính sách xây dựng dữ liệu đặc thù của tỉnh như bản đồ số rừng trồng, hồ sơ nông lâm nghiệp, cơ sở dữ liệu văn hóa dân tộc thiểu số; đẩy mạnh đầu tư hạ tầng viễn thông - Internet ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn biên giới; kết hợp chính sách PPP để xây dựng trạm phát 5G, phủ sóng mạng cáp quang toàn tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số thông qua khuyến khích như hỗ trợ kinh phí chuyển đổi số, kinh phí đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng, phát triển thương mại điện tử, hướng dẫn xây dựng kênh bán hàng số cho sản phẩm đặc sản, OCOP trên địa bàn; chính sách khuyến khích thành lập trung tâm hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số để kịp thời điều chỉnh các văn bản liên quan.

- Ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở. Quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước theo nguyên tắc "Dữ liệu của cơ quan nhà nước mặc định mở và chia sẻ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác".

- Ưu tiên thuê dịch vụ CNTT, thuê hạ tầng đám mây thay vì đầu tư mua sắm phần cứng, giúp linh hoạt và tối ưu chi phí.

3. Hạ tầng số

- Mở rộng cáp quang tới 100% bản chưa có cáp quang, thúc đẩy 4G/5G ổn định ở các bản chưa có sóng di động; thiết lập các điểm truy cập internet công cộng tại nhà văn hóa bản, chợ, trạm y tế. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp viễn thông để ưu đãi chi phí hạ tầng ở vùng núi, mô hình PPP xây dựng hạ tầng số. Đầu tư trung tâm dữ liệu tỉnh và nền tảng dữ liệu mở - kho dữ liệu dùng chung, triển khai nền tảng dữ liệu tích hợp theo tiêu chuẩn an toàn, bảo mật; nâng cấp

trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh; thành lập hoặc giao chức năng nhiệm vụ ươm tạo công nghệ vào đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh. Đầu tư thiết bị công nghệ, thực hành IoT, AI tại các tổ chức khoa học công nghệ, trường học; kết nối với doanh nghiệp để đào tạo theo đặt hàng.

- Xây dựng hạ tầng công nghệ số hiện đại, an toàn và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu một cách hiệu quả, an toàn. Hình thành và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu lớn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Chuyển đổi IPv6 toàn diện: Thực hiện nghiêm túc "Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030". Mục tiêu là đạt tỷ lệ 90-100% sử dụng IPv6 vào năm 2030. Cần ban hành kế hoạch cụ thể để chuyển đổi hạ tầng mạng lưới, dịch vụ công, cổng thông tin điện tử sang hỗ trợ IPv6, tiến tới tắt bỏ hoàn toàn IPv4.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD): Các cơ quan, tổ chức trung ương và địa phương kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng để sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí..

- Phát triển 5G và IoT: Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch. Triển khai hạ tầng IoT (Internet vạn vật) tích hợp vào các công trình giao thông, điện, nước, môi trường để phục vụ đô thị thông minh.

- Hạ tầng Điện toán đám mây (Cloud): Thực hiện chiến lược "Cloud First" (Ưu tiên đám mây). Quy hoạch và chuyển dịch hệ thống thông tin của Bộ/Tỉnh lên các nền tảng điện toán đám mây đạt chuẩn của doanh nghiệp trong nước, hạn chế tối đa việc đầu tư phòng máy chủ nhỏ lẻ tại đơn vị.

- Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS,...) kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực.

- Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

4. Nhân lực số

- Chuẩn hoá 100% cán bộ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước có chứng chỉ về chuyển đổi số/công nghệ thông tin theo hướng dẫn của trung ương, đào tạo 20 - 30% cán bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp, quản lý đất đai, xây dựng, công thương có kỹ năng số về Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối. Phát triển đội ngũ mỗi xã có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách số.

- Tập trung đào tạo đội ngũ chuyên gia về dữ liệu (Data Scientist), AI, an toàn thông tin cho cơ quan nhà nước.

- Nghiên cứu áp dụng các cơ chế đặc thù về lương, thưởng, chế độ làm việc để thu hút nhân tài CNTT vào khu vực công, dựa trên các quy định mở của Dự thảo Luật Chuyển đổi số.

- Bồi dưỡng tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp.

5. Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh. Tập trung dữ liệu từ các ngành trọng điểm: Đất đai, Xây dựng, Y tế, Giáo dục, Doanh nghiệp.

- Triển khai các công cụ rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu. Đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống". Nâng cao mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu lên cấp độ 4-5.

- Công bố dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp khai thác, tạo ra giá trị mới. Ví dụ: Dữ liệu về thời gian thực xe buýt, dữ liệu quan trắc môi trường, dữ liệu quy hoạch....

6. An toàn thông tin mạng

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp).

- Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống lộ lọt dữ liệu.

- Ứng dụng AI để rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến (Deepfake).

7. Chính quyền số

- Dịch vụ công thông minh với AI: Tích hợp AI vào Cổng dịch vụ công để hỗ trợ người dân (Trợ lý ảo hướng dẫn TTHC). Sử dụng AI để tự động hóa quy trình: Tự động điền biểu mẫu (pre-fill) từ CSDL dân cư; tự động kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; tự động soạn thảo dự thảo kết quả.

- Chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu: Nâng cấp các Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC). Không chỉ dừng lại ở việc hiển thị biểu đồ thống kê (Descriptive Analytics) mà phải tiến tới phân tích dự báo (Predictive Analytics) và

cảnh báo sớm các vấn đề kinh tế - xã hội. Triển khai "Trợ lý ảo" cho cán bộ, công chức để hỗ trợ tra cứu văn bản pháp luật, tìm kiếm thông tin, hỗ trợ ra quyết định.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Triển khai các nội dung: (i) đo lường trực tuyến sự phát triển của kinh tế số; (ii) tổ chức triển khai thực hiện chương trình khảo sát, đo lường, đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực tại địa phương; (iii) hỗ trợ kết nối tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh ... với hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ số; (IV) Phát triển doanh nghiệp công nghệ số mạnh là lực lượng sản xuất tiên tiến để thúc đẩy kinh tế số ngành, lĩnh vực;

- Trong xây dựng kế hoạch, chú trọng nội dung triển khai thí điểm và tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm trước khi nhân rộng.

- Đồng thời tiếp tục lập kế hoạch để triển khai các Chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm theo nhiệm vụ Chính phủ giao năm 2025 tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Một số lĩnh vực trọng tâm như:

+ Y tế thông minh - Phát triển hệ thống y tế thông minh theo lộ trình phù hợp, từng bước mở rộng phạm vi và mức độ số hóa, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tích hợp, liên thông dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân.

+ Giáo dục thông minh - Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, thúc đẩy việc ứng dụng, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ đổi mới phương thức dạy và học; triển khai các hoạt động học từ làm việc thực tế.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ số và các giải pháp khoa học - công nghệ phù hợp để nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Thay đổi nhận thức chuyển từ “ngại ứng dụng và sử dụng công nghệ” sang

nhận thức “thích ứng công nghệ” của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh, 100% cán bộ được đào tạo năng lực số cơ bản và kỹ năng sử dụng dữ liệu số. Toàn bộ văn bản, báo cáo, kế hoạch (trừ văn bản Tuyệt Mật) đều phải xây dựng bằng dữ liệu, số liệu phân tích và truyền tải trên môi trường mạng.

- Tuyên truyền thay đổi nhận thức toàn dân, thực hiện “Chiến dịch truyền thông đại chúng về công nghệ cho vùng cao”. Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng “Thôn/bản, tổ dân phố số” với dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại điện tử nông sản, thanh toán số. Triển khai phong trào “Thanh niên Lai Châu tiên phong chuyển đổi số”, “Phụ nữ kinh doanh online”, “Nông dân ứng dụng nông nghiệp thông minh”; định kỳ tổ chức “Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh”, “Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên và nhi đồng tỉnh”. Hình thành 03 mô hình nông nghiệp, du lịch cộng đồng thông minh.

- Tạo phong trào phát triển năng lực số trong học sinh; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho học sinh phổ thông. Phấn đấu xây dựng phòng thí nghiệm số, không gian sáng tạo số tại các cơ sở giáo dục phù hợp điều kiện của tỉnh. Đẩy mạnh các câu lạc bộ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông; tổ chức các cuộc thi STEM. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp để triển khai chương trình thực tập, trải nghiệm công nghệ cho học sinh.

- Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai sâu rộng phong trào “bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và nhân dân.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lai Châu; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Lai Châu.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp

Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Chuẩn hoá 100% cán bộ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước có chứng chỉ về chuyển đổi số/công nghệ thông tin theo hướng dẫn của trung ương, đào tạo 20 - 30% cán bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp, quản lý đất đai, xây dựng,

công thương có kỹ năng số về Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối. Phát triển đội ngũ mỗi xã có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách số.

Mời chuyên gia hỗ trợ tỉnh trong các nhiệm vụ: xây dựng cơ sở dữ liệu, mô hình AI dự báo thiên tai, hệ thống quản lý nông nghiệp thông minh, quy trình chế biến nông sản chất lượng cao. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài tỉnh.

Ký thỏa thuận dài hạn với các học viện, trường đại học, tập đoàn công nghệ để đào tạo theo đặt hàng nhân lực: công nghệ thông tin, dữ liệu, an toàn thông tin, IoT, tự động hoá, môi trường số. Hỗ trợ sinh viên đại học thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng nâng bậc lương, nâng ngạch.

Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu chuyển đổi số trong nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa và du lịch, logistics. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ nền tảng, dùng chung, có tính lan tỏa và liên thông.

Lồng ghép kinh phí chuyển đổi số trong các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các chương trình mục tiêu khác.

Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí chuyển đổi số tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Ngoại vụ đề xuất các chương trình, nội dung hợp tác với các đối tác nước ngoài; tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, thế mạnh.

Thiết lập mạng lưới đối tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, tập trung vào các đơn vị có thế mạnh về lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, tài nguyên, môi trường, năng lượng, công nghệ số, nền tảng số, điện toán đám mây, an toàn thông tin, dữ liệu lớn, trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC).

Hợp tác với Bộ, ngành, viện nghiên cứu, các trường đại học để nghiên cứu, ứng dụng, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực. Tăng cường liên kết về dữ liệu và hạ tầng số, kết nối cơ sở dữ liệu và nền tảng dùng chung của tỉnh với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, định kỳ báo cáo việc thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính, trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm

Rà soát, bổ sung Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 của đơn vị, địa phương mình để đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

Các sở, ban, ngành, chủ trì tham mưu triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ, ngành trung ương (bộ, ngành cấp trên của cấp sở) triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã, bảo đảm hiệu quả và phù hợp với tình hình của tỉnh Lai Châu.

Triển khai truyền thông và tổ chức thực hiện tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia và Khung kiến trúc tổng thể số tỉnh Lai Châu, để bảo đảm mọi dự án về dữ liệu phải tuân thủ kiến trúc này để bảo đảm tính đồng bộ và khả năng liên thông.

Chủ động hợp tác trong phát triển Chính quyền số; tích cực tham gia các sáng kiến về Chính quyền số, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các địa phương, tổ chức nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các

nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chính quyền số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

Hàng năm tiếp tục rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch này, đảm bảo phù hợp với thực tế và mục tiêu được cấp có thẩm quyền giao. Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

4. Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

5. Các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng các nội dung triển khai; phối hợp, đồng hành với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đề xuất kế hoạch, giải pháp thực hiện.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

1. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên (Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu sử dụng nguồn vốn đầu tư (Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo).

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ. Nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, tổng hợp, tham mưu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lai Châu;
- Các doanh nghiệp Viễn thông;
- V, HCQT, HCC, THCB, C;
- Lưu: VT, Vx5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải